

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 – 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 – 38

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG

36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Tập đoàn trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Bà Phan Thị Huệ	Chủ tịch
Ông Kim Dong Ju	Phó Chủ tịch
Ông Lee Eun Hong	Thành viên
Ông Kim Jung Heon	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Hào	Thành viên
Ông Trần Như Tùng	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Lee Eun Hong	Tổng Giám đốc
Ông Kim Dong Ju	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kim Soung Gyu	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp

nhất

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lee Eun Hong  
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 8 năm 2014



Số: 157 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 16 tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 38. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Lê Chí Nguyễn**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0049-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
Ngày 16 tháng 8 năm 2014  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Tuấn Ngọc**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2110-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MÃ SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>970.334.514.601</b>	<b>960.142.226.503</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>81.164.243.626</b>	<b>118.096.768.288</b>
1. Tiền	111		58.864.243.626	75.196.768.288
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.300.000.000	42.900.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.600.000.000</b>	<b>1.600.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	3.450.301.999	3.450.301.999
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.850.301.999)	(1.850.301.999)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>196.572.724.865</b>	<b>194.227.713.503</b>
1. Phải thu khách hàng	131		162.378.158.147	156.265.054.208
2. Trả trước cho người bán	132		22.995.834.949	25.465.900.485
3. Các khoản phải thu khác	135	6	13.580.449.236	14.518.476.277
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.381.717.467)	(2.021.717.467)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>648.982.660.994</b>	<b>612.733.412.352</b>
1. Hàng tồn kho	141		661.587.833.104	626.038.009.854
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.605.172.110)	(13.304.597.502)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>42.014.885.116</b>	<b>33.484.332.360</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.839.151.068	3.572.291.914
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.359.206.810	26.569.324.986
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.816.527.238	3.342.715.460

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN (Tiếp theo)	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>1.037.213.140.979</b>	<b>1.029.149.295.164</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>708.391.187.547</b>	<b>696.802.777.403</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	561.466.452.955	575.128.718.083
- Nguyên giá	222		1.289.628.849.608	1.283.700.234.922
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(728.162.396.653)	(708.571.516.839)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	36.448.578.609	12.014.839.425
- Nguyên giá	225		39.081.144.418	13.626.400.555
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.632.565.809)	(1.611.561.130)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	97.590.117.372	98.025.750.827
- Nguyên giá	228		111.063.250.316	109.826.350.316
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.473.132.944)	(11.800.599.489)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	12.886.038.611	11.633.469.068
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>118.595.591.289</b>	<b>118.711.955.901</b>
- Nguyên giá	241		121.280.625.580	121.280.625.580
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.685.034.291)	(2.568.669.679)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>132.806.251.899</b>	<b>132.909.652.701</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	130.139.570.499	130.223.443.101
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	5.352.050.000	5.352.050.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2.685.368.600)	(2.665.840.400)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>77.420.110.244</b>	<b>80.724.909.159</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	73.936.614.833	77.604.523.018
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	2.098.701.471	1.742.773.959
3. Tài sản dài hạn khác	268	17	1.384.793.940	1.377.612.182
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.007.547.655.580</b>	<b>1.989.291.521.667</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MÃ SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.249.251.399.610</b>	<b>1.247.052.444.398</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>975.516.916.785</b>	<b>945.790.507.139</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	677.126.084.479	660.921.785.065
2. Phải trả người bán	312		140.646.746.660	135.966.765.192
3. Người mua trả tiền trước	313		89.108.273.355	85.020.997.439
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	4.096.462.500	6.705.210.445
5. Phải trả người lao động	315		33.964.908.755	46.267.535.463
6. Chi phí phải trả	316		11.065.962.448	6.791.105.732
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	7.631.406.040	3.535.158.017
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		11.877.072.548	581.949.786
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>273.734.482.825</b>	<b>301.261.937.259</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	21	17.876.000.000	17.876.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	234.767.697.453	264.374.584.271
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337	23	21.090.785.372	19.011.352.988
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=410)</b>	<b>400</b>		<b>752.273.681.981</b>	<b>735.859.054.730</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>752.273.681.981</b>	<b>735.859.054.730</b>
1. Vốn cổ phần	411		491.999.510.000	491.999.510.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.720.075.000	22.720.075.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(5.939.990.000)	(5.939.990.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		14.462.726.389	2.110.908.440
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		52.432.708.944	40.080.890.995
6. Quỹ khác	419		27.438.003.113	15.086.185.164
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		149.160.648.535	169.801.475.131
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>25</b>	<b>6.022.573.989</b>	<b>6.380.022.539</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.007.547.655.580</b>	<b>1.989.291.521.667</b>
<b>(440=300+400+439)</b>				

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	30/6/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ ("USD")	2.419.491	3.369.256
- Yên Nhật ("JPY")	101.517	102.243
- Euro ("EUR")	243	248



Phạm Thị Thanh Thủy  
Người lập



Nguyễn Minh Hào  
Kế toán trưởng



Lee Eun Hong  
Tổng Giám đốc  
Ngày 16 tháng 8 năm 2014



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**  
 Đơn vị: VND


<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.312.870.038.122	1.201.947.648.785
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6.935.176.054	2.191.322.938
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	1.305.934.862.068	1.199.756.325.847
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	1.114.422.424.044	1.029.724.945.188
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		191.512.438.024	170.031.380.659
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	4.632.174.028	4.451.307.422
7. Chi phí tài chính	22	31	24.901.419.091	42.114.252.772
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		14.643.382.095	24.867.188.907
8. Chi phí bán hàng	24		31.952.993.274	27.303.264.587
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		51.332.367.878	45.119.386.657
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		87.957.831.809	59.945.784.065
11. Thu nhập khác	31		2.593.956.463	1.487.666.623
12. Chi phí khác	32		1.144.547.175	387.801.569
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	32	1.449.409.288	1.099.865.054
14. Lợi nhuận từ công ty liên kết	45		486.514.530	1.833.151.269
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		89.893.755.627	62.878.800.388
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	6.565.276.515	2.956.221.457
17. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	(355.927.512)	2.225.163.476
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		83.684.406.624	57.697.415.455
18.1. Phân bổ cho lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(357.448.550)	(59.468.823)
18.2. Phân bổ cho cổ đông của Công ty	62		84.041.855.174	57.756.884.278
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	<u>1.712</u>	<u>1.294</u>



**Phạm Thị Thanh Thủy**  
 Người lập



**Nguyễn Minh Hảo**  
 Kế toán trưởng

**Lee Eun Hong**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 16 tháng 8 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**


Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
		đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>89.893.755.627</b>	<b>62.878.800.388</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	28.577.629.825	27.496.023.318
- Các khoản dự phòng	03	(319.897.192)	(820.269.019)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	7.625.830.193	11.222.948.531
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.137.038.675)	(2.901.952.547)
- Chi phí lãi vay	06	14.643.382.095	24.867.188.907
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>138.283.661.873</b>	<b>122.742.739.578</b>
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(4.678.866.500)	19.503.915.218
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(35.979.092.821)	(75.602.734.927)
- Thay đổi các khoản phải trả	11	6.202.888.641	7.430.711.690
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.482.254.557)	1.569.600.956
- Tiền lãi vay đã trả	13	(14.830.968.344)	(25.244.621.427)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.186.450.726)	(319.518.739)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	19.814.758	24.215.700
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.244.934.161)	(6.318.304.091)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>71.103.798.163</b>	<b>43.786.003.958</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(40.440.040.932)	(37.978.318.733)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.166.981.090	321.618.182
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.529.239.319	1.166.390.825
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(37.743.820.523)</b>	<b>(36.490.309.726)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014


**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
		đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	954.088.498.203	984.757.971.917
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(970.922.173.086)	(943.237.647.385)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(4.461.469.592)	(2.425.719.161)
4. Cổ tức đã trả	36	(49.087.469.250)	(31.233.012.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(70.382.613.725)</i>	<i>7.861.593.371</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(37.022.636.085)</b>	<b>15.157.287.603</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	118.096.768.288	90.638.555.639
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	90.111.423	392.811.857
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>81.164.243.626</b>	<b>106.188.655.099</b>

  
 Phạm Thị Thanh Thủy  
 Người lập

  
 Nguyễn Minh Hảo  
 Kế toán trưởng



  
 Lee Eun Hong  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 16 tháng 8 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004932 ngày 23 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 13 số 0301446221 ngày 02 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn cổ phần của Công ty là 491.999.510.000 đồng. Cổ đông chính của Công ty là E-land Asia Holdings Pte Ltd, một Công ty thành lập tại Singapore.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 4.525 (31 tháng 12 năm 2013: 4.591).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và thương mại dệt may, chi tiết như sau:

- Sản xuất và mua bán các loại bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm, bao bì ngành dệt may;
- Mua bán thiết bị lạnh, điều hòa không khí, máy thu thanh – thu hình, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, đường bộ;
- Kinh doanh địa ốc, trung tâm thương mại;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, máy móc – thiết bị;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê; và
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

**Các công ty con**

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</b>	<b>Vốn điều lệ tại ngày 30/6/2014</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công (“Trung tâm Y khoa Thành Công”)	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	70,94	21.700.000.000 VND	Cung cấp dịch vụ y tế, mua bán dược phẩm và trang thiết bị y tế
Công ty Cổ phần Thành Quang (“Thành Quang”)	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	97,50	22.000.000.000 VND	Kinh doanh hạ tầng cơ sở, sản xuất và mua bán vải sợi

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</b>	<b>Vốn điều lệ tại ngày 30/6/2014</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty TNHH Một thành viên Thành Công – Vĩnh Long (Thành Công – Vĩnh Long) (*)	Xã Hòa Phú, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long	100	-	Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu bông, xơ, sợi, quần áo, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, hoá chất (trừ hoá chất độc hại), thuốc nhuộm, bao bì ngành dệt may

(\*) Công ty TNHH Một thành viên Thành Công – Vĩnh Long thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500998966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 06 tháng 5 năm 2014. Vốn điều lệ đăng ký của công ty con là 129.000.000.000 đồng. Tại ngày của báo cáo này, Công ty Cổ phần Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công chưa góp vốn vào Thành Công – Vĩnh Long.

**Các công ty liên kết**

<b>Tên công ty liên kết</b>	<b>Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</b>	<b>Vốn điều lệ tại ngày 30/6/2014</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần Thành Chí (“Thành Chí”)	TP. Vũng Tàu	47,43	43.890.000.000 VND	Mua bán và khai thác cát, đá
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (“TCSC”)	Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	24,75	360.000.000.000 VND	Môi giới chứng khoán, kinh doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thành Phúc (“Thành Phúc”)	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	23,79	7.000.000.000 VND	Xây dựng và quản lý dự án
Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu (“Golf Vũng Tàu”)	Bà Rịa, TP. Vũng Tàu	30,00	29.000.000.000 VND	Cung cấp các dịch vụ du lịch và giải trí



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày kết thúc kỳ báo cáo. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư cổ phiếu của các công ty đại chúng và niêm yết, và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	7 - 15
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	7 - 10
Tài sản khác	7 - 22

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giấy phép bản quyền và phần mềm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 15 đến 50 năm. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao. Giấy phép bản quyền và phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 đến 10 năm.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính gồm thuê máy móc được khấu hao trong khoảng thời gian 10-15 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Nhà cửa và vật kiến trúc được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính 50 năm. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo số năm phù hợp với từng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết là phần phụ trội giữa giá mua khoản đầu tư so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh trong 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư vào các công ty với tỷ lệ phần sở hữu dưới 20%. Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất tại các Khu công nghiệp Xuyên Á – Tỉnh Long An, Khu công nghiệp Nhị Xuân – Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, và Khu công nghiệp Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh và các khoản trả trước dài hạn khác (được phân bổ không quá 2 năm). Tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 45 đến 58 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Tập đoàn áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Phân phối quỹ và phân chia cổ tức**

Phân chia cổ tức cho các cổ đông của Tập đoàn được ghi nhận như là khoản công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông của Tập đoàn.

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi các cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên và sau khi trích các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định pháp lý của Việt Nam.

**Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng nó không bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Các cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia chia phần tài sản khi công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán.

Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** MÃ SỐ B 09-DN/HN  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.153.929.203	1.198.171.013
Tiền gửi ngân hàng	57.710.314.423	73.998.597.275
Các khoản tương đương tiền	22.300.000.000	42.900.000.000
	<b><u>81.164.243.626</u></b>	<b><u>118.096.768.288</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn một tháng. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất trung bình 6%/năm (năm 2013: 7%/năm).

**5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản cho bên thứ ba vay vào năm 2006. Khoản đầu tư này được trích lập dự phòng toàn bộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 theo chính sách kế toán của Tập đoàn.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bên thứ ba	10.291.791.811	11.363.424.845
Các bên liên quan	3.288.657.425	3.155.051.432
	<b><u>13.580.449.236</u></b>	<b><u>14.518.476.277</u></b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi trên đường	152.901.348.217	64.137.681.048
Nguyên liệu, vật liệu	153.293.765.990	176.386.896.846
Công cụ, dụng cụ	9.005.924	47.720.334
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	134.311.360.748	154.486.384.981
Thành phẩm	215.356.780.454	219.429.443.446
Hàng hóa	3.749.859.279	3.748.946.526
Hàng gửi bán	1.965.712.492	7.800.936.673
	<b><u>661.587.833.104</u></b>	<b><u>626.038.009.854</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.605.172.110)	(13.304.597.502)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b><u>648.982.660.994</u></b>	<b><u>612.733.412.352</u></b>

Thay đổi trong khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu kỳ/năm	13.304.597.502	713.906.308
Trích lập trong kỳ/năm	2.600.574.608	13.156.239.442
Hoàn nhập trong kỳ/năm	(3.300.000.000)	(565.548.248)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b><u>12.605.172.110</u></b>	<b><u>13.304.597.502</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	270.059.990.363	848.820.031.964	17.171.524.210	12.683.133.991	134.965.554.394	1.283.700.234.922
- Tăng	2.250.134.870	3.764.199.192	754.683.636	339.440.000	2.698.727.273	9.807.184.971
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	237.740.000	2.962.414.808	-	38.545.455	-	3.238.700.263
- Thanh lý	-	(3.739.190.757)	(176.039.720)	-	(3.078.941.640)	(6.994.172.117)
- Khác	-	-	-	(123.098.431)	-	(123.098.431)
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b><u>272.547.865.233</u></b>	<b><u>851.807.455.207</u></b>	<b><u>17.750.168.126</u></b>	<b><u>12.938.021.015</u></b>	<b><u>134.585.340.027</u></b>	<b><u>1.289.628.849.608</u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	96.003.269.746	495.278.725.271	8.157.153.699	9.005.210.664	100.127.157.459	708.571.516.839
- Khấu hao trong kỳ	2.790.693.955	18.551.301.749	801.723.859	442.707.932	3.181.299.584	25.767.727.079
- Thanh lý	-	(3.579.082.631)	(146.699.770)	-	(2.327.966.433)	(6.053.748.834)
- Khác	-	-	-	(123.098.431)	-	(123.098.431)
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b><u>98.793.963.701</u></b>	<b><u>510.250.944.389</u></b>	<b><u>8.812.177.788</u></b>	<b><u>9.324.820.165</u></b>	<b><u>100.980.490.610</u></b>	<b><u>728.162.396.653</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b><u>173.753.901.532</u></b>	<b><u>341.556.510.818</u></b>	<b><u>8.937.990.338</u></b>	<b><u>3.613.200.850</u></b>	<b><u>33.604.849.417</u></b>	<b><u>561.466.452.955</u></b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b><u>174.056.720.617</u></b>	<b><u>353.541.306.693</u></b>	<b><u>9.014.370.511</u></b>	<b><u>3.677.923.327</u></b>	<b><u>34.838.396.935</u></b>	<b><u>575.128.718.083</u></b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 22, Tập đoàn đã thế chấp nhà cửa và máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 383 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2013: 442 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 413 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2013: 413 tỷ đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2014	13.626.400.555
Tăng	25.454.743.863
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b><u><u>39.081.144.418</u></u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2014	1.611.561.130
Khấu hao trong kỳ	1.021.004.679
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b><u><u>2.632.565.809</u></u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b><u><u>36.448.578.609</u></u></b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b><u><u>12.014.839.425</u></u></b>

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Bản quyền <u>VND</u>	Phần mềm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	96.334.416.604	2.705.995.847	10.785.937.865	109.826.350.316
Tăng	-	1.236.900.000	-	1.236.900.000
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b><u><u>96.334.416.604</u></u></b>	<b><u><u>3.942.895.847</u></u></b>	<b><u><u>10.785.937.865</u></u></b>	<b><u><u>111.063.250.316</u></u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	8.703.705.228	1.453.539.402	1.643.354.859	11.800.599.489
Khấu hao trong kỳ	315.331.920	668.799.190	688.402.345	1.672.533.455
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b><u><u>9.019.037.148</u></u></b>	<b><u><u>2.122.338.592</u></u></b>	<b><u><u>2.331.757.204</u></u></b>	<b><u><u>13.473.132.944</u></u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b><u><u>87.315.379.456</u></u></b>	<b><u><u>1.820.557.255</u></u></b>	<b><u><u>8.454.180.661</u></u></b>	<b><u><u>97.590.117.372</u></u></b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b><u><u>87.630.711.376</u></u></b>	<b><u><u>1.252.456.445</u></u></b>	<b><u><u>9.142.583.006</u></u></b>	<b><u><u>98.025.750.827</u></u></b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 22, Tập đoàn đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 48 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2013: 48 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	11.633.469.068	13.310.248.891
Tăng trong kỳ/năm	30.492.322.949	61.928.962.470
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.238.700.263)	(57.869.818.022)
Kết chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	(25.454.743.863)	-
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(5.491.630.030)
Kết chuyển khác	(546.309.280)	(244.294.241)
<b>Tại ngày 30 tháng 6/31 tháng 12</b>	<b><u>12.886.038.611</u></b>	<b><u>11.633.469.068</u></b>

Trong kỳ, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 662.932.563 đồng (6 tháng đầu năm 2013: 596.670.053 đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các dự án chủ yếu như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Khu căn hộ - Thương mại Thành Công Tower 1	11.778.379.630	11.115.447.067
Các dự án khác	1.107.658.981	518.022.001
	<b><u>12.886.038.611</u></b>	<b><u>11.633.469.068</u></b>

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Tòa nhà cho thuê <u>VND</u>	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014 & 30/6/2014	<b><u>11.620.896.678</u></b>	<b><u>109.659.728.902</u></b>	<b><u>121.280.625.580</u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	2.568.669.679	-	2.568.669.679
Khấu hao trong kỳ	116.364.612	-	116.364.612
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b><u>2.685.034.291</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.685.034.291</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2014	<b><u>8.935.862.387</u></b>	<b><u>109.659.728.902</u></b>	<b><u>118.595.591.289</u></b>
Tại ngày 31/12/2013	<b><u>9.052.226.999</u></b>	<b><u>109.659.728.902</u></b>	<b><u>118.711.955.901</u></b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 22, Tập đoàn đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 110 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2013: 110 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ban Giám đốc không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vì Tập đoàn có ý định nắm giữ lâu dài cũng như không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MÃ SỐ B 09-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư vào các công ty liên kết	113.046.152.000	113.046.152.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	17.093.418.499	17.177.291.101
	<b>130.139.570.499</b>	<b>130.223.443.101</b>
Lợi thế thương mại	(6.954.911.011)	(7.525.298.143)
<b>Phần tài sản thuần của Công ty đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>123.184.659.488</b>	<b>122.698.144.958</b>
Tổng tài sản	506.302.520.513	508.281.384.150
Tổng công nợ	(77.908.112.172)	(81.455.052.702)
Tài sản thuần	584.210.632.685	426.826.331.448
<b>Phần tài sản thuần của Công ty đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>123.184.659.488</b>	<b>122.698.144.958</b>
	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận thuần	3.599.155.993	6.305.111.107
<b>Lợi nhuận thuần của Công ty từ khoản đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>486.514.530</b>	<b>1.833.151.269</b>

**14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Dệt Việt Thắng	125.000.000	125.000.000
Công ty Cổ phần Dệt May Thắng Lợi	1.576.000.000	1.576.000.000
Công ty Dệt May Huế	318.000.000	318.000.000
Công ty Cổ Phần SY Vina	883.450.000	883.450.000
Vietcombank	2.449.600.000	2.449.600.000
	<b>5.352.050.000</b>	<b>5.352.050.000</b>
Dự phòng cho đầu tư dài hạn khác	(2.685.368.600)	(2.665.840.400)
<b>Đầu tư tài chính khác thuần</b>	<b>2.666.681.400</b>	<b>2.686.209.600</b>

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu kỳ/năm	77.604.523.018	80.467.811.140
Tăng trong kỳ/năm	60.916.000	7.431.629.168
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	3.174.784.636
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	6.728.889
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(10.242.009.629)
Phân bổ chi phí trong kỳ/năm	-	(3.219.053.107)
Khác	(3.728.824.185)	(15.368.079)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>73.936.614.833</b>	<b>77.604.523.018</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** MÃ SỐ B 09-DN/HN  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê đất	70.790.208.368	73.032.304.088
Chi phí khác	3.146.406.465	4.572.218.930
	<b><u><u>73.936.614.833</u></u></b>	<b><u><u>77.604.523.018</u></u></b>

**16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại và do Tập đoàn ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và các kỳ kế toán trước.

	Các khoản dự phòng và chi phí phải trả <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái <u>VND</u>	Các khoản lỗ tính thuế <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013	1.556.320.957	19.451.312	2.114.685.442	3.690.457.711
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	184.604.624	(17.602.934)	(2.114.685.442)	(1.947.683.752)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	<b>1.740.925.581</b>	<b>1.848.378</b>	-	<b>1.742.773.959</b>
Chuyển sang lợi nhuận trong kỳ	357.775.890	(1.848.378)	-	355.927.512
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b><u><u>2.098.701.471</u></u></b>	<b><u><u>-</u></u></b>	<b><u><u>-</u></u></b>	<b><u><u>2.098.701.471</u></u></b>

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.640.635)	(13.291.317)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.102.342.106	1.756.065.276
	<b><u><u>2.098.701.471</u></u></b>	<b><u><u>1.742.773.959</u></u></b>

**17. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

Tài sản dài hạn khác thể hiện khoản ký quỹ cho Công ty TNHH Cho thuê tài chính Kexim Việt Nam nhằm đảm bảo hợp đồng thuê tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>618.302.886.482</b>	<b>596.635.544.753</b>
- Ngân hàng Far East National - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	36.695.057.873	26.705.819.228
- Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	290.893.409.864	309.014.492.442
- Ngân hàng Standard Chartered	87.662.084.371	24.295.964.168
- BIDV - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	139.739.599.590	104.988.561.268
- HSBC	51.445.195.784	21.923.266.191
- Vietinbank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	11.867.539.000	109.707.441.456
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>58.823.197.997</b>	<b>64.286.240.312</b>
- Vay dài hạn đến hạn trả	48.844.392.000	59.389.035.896
- Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	9.978.805.997	4.897.204.416
	<b><u>677.126.084.479</u></b>	<b><u>660.921.785.065</u></b>

Tập đoàn có các hợp đồng tín dụng ngắn hạn để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Hạn mức tín dụng	Thời hạn tín dụng	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Ngân hàng Far East National - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	3.000.000 USD	1 năm	SIBOR + 1,7%/năm	Hàng tồn kho
Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	400.000.000.000 VND	1 năm	Thả nổi	Tài sản cố định
Ngân hàng Standard Chartered	10.000.000 USD	5 năm	LIBOR 3 tháng + 2,7%/năm	Thư bảo lãnh của E-land Asia Holdings Pte Ltd
BIDV - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	280.000.000.000 VND	1 năm	Thả nổi	Hàng tồn kho
HSBC	5.000.000 USD	1 năm	LIBOR 3 tháng + 1,5%/năm	Hàng tồn kho
Vietinbank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	200.000.000.000 VND	Dưới 1 năm	Thả nổi	Hàng tồn kho

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	4.625.376	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.395.694.478	6.016.868.689
Thuế thu nhập cá nhân	696.142.646	688.341.756
	<b><u>4.096.462.500</u></b>	<b><u>6.705.210.445</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** MÃ SỐ B 09-DN/HN  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	4.271.760.775	-
Cổ tức phải trả	109.310.550	97.278.800
Phải trả khác	3.250.334.715	3.437.879.217
	<b><u>7.631.406.040</u></b>	<b><u>3.535.158.017</u></b>

**21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản phải nộp vào Kho bạc Nhà nước cho giá trị tăng thêm khi định giá các lô đất mà Công ty được giao hoặc thuê tại thời điểm cổ phần hóa năm 2004. Theo báo cáo định giá tài sản ngày 28 tháng 9 năm 2005, trong số các lô đất, có 5 lô đất với tổng diện tích 36.716 m<sup>2</sup> đã được định giá lại. Khoản tiền này sẽ được trả khi Công ty hoàn tất việc chuyển giao quyền sử dụng đất sang tên Công ty.

**22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>223.445.033.843</b>	<b>263.558.385.643</b>
- Vietcombank - Chi nhánh Thành phố HCM	17.902.531.000	31.927.722.800
- E-Land Asia Holdings Pte Ltd	149.170.000.000	147.560.000.000
- VDB - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.704.342.843	2.736.342.843
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	54.668.160.000	81.334.320.000
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>11.322.663.610</b>	<b>816.198.628</b>
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Kexim VN	-	816.198.628
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	11.322.663.610	-
	<b><u>234.767.697.453</u></b>	<b><u>264.374.584.271</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các khoản vay dài hạn Tập đoàn nhận được từ các ngân hàng trong nước và các cổ đông, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn	
			tín dụng	Lãi suất
E-land Asia Holdings Pte.Ltd	04/2010	1.000.000 USD	3 năm	0,99%/năm
E-land Asia Holdings Pte. Ltd	01/2011	6.000.000 USD	3 năm	0,78% /năm
Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	0016/DTDA/13CD	23.830.000.000 VND	5 năm	Thả nổi
Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	0026/DTDA/13CD	927.359 USD	5 năm	Thả nổi
VDB - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	46/HĐTD TW	22.000.000.000 VND	12 năm	3% /năm
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	130-000-167516	165.200.000.000 VND	3 năm	LIBOR 3 tháng + 4%/năm cho khoản vay USD và MFC 3 tháng + 2,57%/năm cho khoản vay VND
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Kexim VN	K2011036	634.282 USD	3 năm	LIBOR 3 tháng + 4%/năm
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	72.13.10/CTTC	615.200 USD	3 năm	5,3%/năm trong 6 tháng đầu và sau đó áp dụng lãi suất cơ bản VCBL + 1%/năm
	72.13.11/CTTC	324.960 USD	3 năm	

Các khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	48.844.392.000	59.389.035.896
Trong năm thứ hai	62.151.774.843	59.679.880.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	161.293.259.000	203.878.505.643
	<b>272.289.425.843</b>	<b>322.947.421.539</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	48.844.392.000	59.389.035.896
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>223.445.033.843</b>	<b>263.558.385.643</b>

Nợ thuê tài chính dài hạn thể hiện các khoản thuê máy móc từ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Kexim Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính	22.679.890.529	5.865.165.264	22.614.747.347	5.862.341.249
Trong vòng một năm	10.823.232.885	5.044.630.584	10.801.852.153	5.042.006.218
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	11.856.657.644	820.534.680	11.812.895.194	820.335.031
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	1.378.420.922	151.762.220	1.313.277.740	148.938.205
<b>Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả</b>	<b>21.301.469.607</b>	<b>5.713.403.044</b>	<b>21.301.469.607</b>	<b>5.713.403.044</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			9.978.805.997	4.897.204.416
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>			<b>11.322.663.610</b>	<b>816.198.628</b>

**23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc được trích theo chính sách của Tập đoàn.

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Danh sách các cổ đông chính của Công ty nắm giữ 5% cổ phần trở lên và các cổ đông khác được chốt bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) tại ngày 29 tháng 4 năm 2014 và 10 tháng 02 năm 2014 như sau:

	Tại ngày 29/4/2014			Tại ngày 10/02/2014		
	Cổ phiếu	%	VND	Cổ phiếu	%	VND
E-Land Asia Holdings Pte Ltd	21.270.799	43,23	212.707.990.000	21.270.799	43,23	212.707.990.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam Vinatex (*)	9	-	90.000	9	-	90.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	5	-	50.000	5	-	50.000
Khác	27.828.688	56,57	278.286.880.000	27.828.688	56,57	278.286.880.000
Cổ phiếu quỹ	100.450	0,20	1.004.500.000	100.450	0,20	1.004.500.000
	<b>49.199.951</b>	<b>100</b>	<b>491.999.510.000</b>	<b>49.199.951</b>	<b>100</b>	<b>491.999.510.000</b>

(\*) Vinatex là cổ đông Nhà nước

**Cổ phần**

	30/6/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phần đã phát hành	49.199.951	49.199.951
Số lượng cổ phần mua lại	100.450	100.450
Số lượng cổ phần đang lưu hành	49.099.501	49.099.501

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG**

36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	447.374.860.000	44.094.132.000	(5.939.990.000)	24.423.233.440	42.106.726.995	15.086.185.164	47.925.310.501	615.070.458.100
Tăng vốn	44.624.650.000	(22.312.325.000)	-	(22.312.325.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	123.518.179.489	123.518.179.489
Sử dụng trong năm	-	-	-	-	(2.025.836.000)	-	-	(2.025.836.000)
Khác	-	938.268.000	-	-	-	-	(1.642.014.859)	(703.746.859)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>491.999.510.000</b>	<b>22.720.075.000</b>	<b>(5.939.990.000)</b>	<b>2.110.908.440</b>	<b>40.080.890.995</b>	<b>15.086.185.164</b>	<b>169.801.475.131</b>	<b>735.859.054.730</b>
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	84.041.855.174	84.041.855.174
Phân phối quỹ	-	-	-	12.351.817.949	12.351.817.949	12.351.817.949	(55.583.180.770)	(18.527.726.923)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(49.099.501.000)	(49.099.501.000)
Khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>491.999.510.000</b>	<b>22.720.075.000</b>	<b>(5.939.990.000)</b>	<b>14.462.726.389</b>	<b>52.432.708.944</b>	<b>27.438.003.113</b>	<b>149.160.648.535</b>	<b>752.273.681.981</b>

Theo biên bản cuộc họp của Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2013, các cổ đông Công ty đã phê duyệt kế hoạch trích lập cho quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khác và quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ lần lượt là 10%, 10%, 10% và 15% từ lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2013.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/2014/NQ-HDQT ngày 31 tháng 3 năm 2014, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc trả cổ tức với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**25. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số được tính như sau:

	Trung tâm Y khoa Thành Công <u>VND</u>	Thành Quang <u>VND</u>
<b>Vốn điều lệ của công ty con</b>	21.700.000.000	22.000.000.000
<i>Trong đó:</i>		
Vốn góp từ Công ty	15.395.000.000	21.450.000.000
Vốn góp từ cổ đông thiểu số	6.305.000.000	550.000.000
<b>Tỷ suất lợi ích cổ đông thiểu số</b>	<b>29,06%</b>	<b>2,50%</b>

Lợi ích cổ đông thiểu số dựa vào tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2014:

	Trung tâm Y khoa Thành Công <u>VND</u>	Thành Quang <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tổng tài sản	20.419.056.157	22.000.000.000	42.419.056.157
Tổng công nợ	1.583.564.114	-	1.583.564.114
<b>Tài sản thuần</b>	<b>18.835.492.043</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>40.835.492.043</b>
<i>Trong đó:</i>			
Vốn điều lệ	21.700.000.000	22.000.000.000	43.700.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	(1.340.000.000)	-	(1.340.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(1.524.507.957)	-	(1.524.507.957)
<b>Lợi ích cổ đông thiểu số</b>	<b>5.472.573.989</b>	<b>550.000.000</b>	<b>6.022.573.989</b>
<i>Trong đó:</i>			
Vốn điều lệ	6.305.000.000	550.000.000	6.855.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	(389.404.000)	-	(389.404.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(443.022.011)	-	(443.022.011)

Lợi ích cổ đông thiểu số dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014:

	Trung tâm Y khoa Thành Công <u>VND</u>	Thành Quang <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế của công ty con	(1.244.570.889)	-	(1.244.570.889)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(357.448.550)	-	(357.448.550)

Thay đổi lợi ích cổ đông thiểu số trong kỳ như sau:

	Vốn cổ phần <u>VND</u>	Thặng dư vốn cổ phần <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Số dư tại ngày 01/01/2014	7.055.000.000	(389.404.000)	(285.573.461)	6.380.022.539
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(357.448.550)	(357.448.550)
Khác	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2014</b>	<b>7.055.000.000</b>	<b>(389.404.000)</b>	<b>(643.022.011)</b>	<b>6.022.573.989</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**26. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
<b>May mặc và dệt may</b>		
Doanh thu	1.284.206.209.295	1.175.321.953.998
Giá vốn	1.097.898.575.958	1.010.677.721.274
Lợi nhuận gộp	<b>186.307.633.337</b>	<b>164.644.232.724</b>
<b>Dịch vụ chăm sóc sức khỏe</b>		
Doanh thu	12.962.208.308	15.354.096.280
Giá vốn	10.717.263.947	12.848.181.951
Lợi nhuận gộp	<b>2.244.944.361</b>	<b>2.505.914.329</b>
<b>Khác</b>		
Doanh thu	8.766.444.465	9.080.275.569
Giá vốn	5.806.584.139	6.199.041.963
Lợi nhuận gộp	<b>2.959.860.326</b>	<b>2.881.233.606</b>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”). Tập đoàn không tiến hành lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán do không đủ cơ sở để tiến hành chia tách.

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
<b>Trong nước</b>		
Doanh thu	137.842.386.865	137.243.679.686
Giá vốn	117.770.674.968	117.711.816.688
Lợi nhuận gộp	<b>20.071.711.897</b>	<b>19.531.862.998</b>
<b>Xuất khẩu</b>		
Doanh thu	1.168.092.475.203	1.062.512.646.161
Giá vốn	996.651.749.076	912.013.128.500
Lợi nhuận gộp	<b>171.440.726.127</b>	<b>150.499.517.661</b>

Báo cáo tài chính hợp nhất không trình bày báo cáo bộ phận theo tài sản do Ban Giám đốc không có thông tin về bộ phận này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

<b>27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>
Doanh thu xuất khẩu	1.148.517.850.374	1.049.369.643.194
Doanh thu nội địa	115.864.608.738	113.631.543.602
Phí gia công	26.758.926.237	14.512.090.140
Khác	21.728.652.773	24.434.371.849
	<b>1.312.870.038.122</b>	<b>1.201.947.648.785</b>
Hàng bán bị trả lại/giảm giá	(6.935.176.054)	(2.191.322.938)
	<b><u>1.305.934.862.068</u></b>	<b><u>1.199.756.325.847</u></b>
<b>28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP</b>	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	751.582.065.389	731.005.564.173
Chi phí nhân công	169.823.345.265	129.678.031.844
Chi phí khấu hao	25.479.286.055	25.210.182.226
Chi phí sản xuất chung	161.731.143.196	137.632.124.982
Chi phí khác	5.806.584.139	6.199.041.963
	<b>1.114.422.424.044</b>	<b>1.029.724.945.188</b>
<b>29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	716.552.185.390	727.297.631.081
Chi phí nhân công	213.637.797.945	165.951.473.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.577.629.825	27.496.023.318
Chi phí dịch vụ bên ngoài	192.055.811.831	167.047.873.419
Chi phí khác	45.448.784.264	40.828.058.039
	<b>1.196.272.209.255</b>	<b>1.128.621.059.561</b>
<b>30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.247.716.338	968.120.095
Cổ tức được chia	176.250.000	165.306.400
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.208.207.690	3.317.880.927
	<b>4.632.174.028</b>	<b>4.451.307.422</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>
Lãi tiền vay	14.643.382.095	24.867.188.907
Lập/(hoàn nhập) các khoản dự phòng đầu tư tài chính	19.528.200	(125.884.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.606.238.603	6.149.999.334
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.625.830.193	11.222.948.531
Khác	6.440.000	-
	<b><u>24.901.419.091</u></b>	<b><u>42.114.252.772</u></b>

**32. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.166.981.090	321.618.182
Thu nhập khác	1.426.975.373	1.166.048.441
<b>Thu nhập khác</b>	<b><u>2.593.956.463</u></b>	<b><u>1.487.666.623</u></b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	940.423.283	386.243.399
Chi phí khác	204.123.892	1.558.170
<b>Chi phí khác</b>	<b><u>1.144.547.175</u></b>	<b><u>387.801.569</u></b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b><u>1.449.409.288</u></b>	<b><u>1.099.865.054</u></b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>89.893.755.627</b>	<b>62.878.800.388</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:</b>	<b>4.752.983.258</b>	<b>(28.499.694.603)</b>
- Tăng thu nhập chịu thuế	10.918.685.136	7.953.352.388
- Giảm nhập chịu thuế	(6.165.701.878)	(7.808.907.035)
- Lỗi tính thuế năm trước chuyển sang	-	(28.644.139.956)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>94.646.738.885</b>	<b>34.379.105.785</b>
Trong đó:		
+ Thu nhập từ các hoạt động hưởng thuế suất ưu đãi	95.366.234.337	26.838.340.725
+ Thu nhập khác	(719.495.452)	7.540.765.060
<b>Thuế suất áp dụng</b>		
+ Đối với thu nhập từ các hoạt động hưởng thuế suất ưu đãi	15%	15%
+ Đối với thu nhập khác	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.304.935.151	5.910.942.375
Miễn thuế	(7.152.467.576)	(2.954.720.918)
Điều chỉnh kỳ trước	(587.191.060)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>6.565.276.515</u></b>	<b><u>2.956.221.457</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 15% trong 12 năm từ 2006 đến 2017 đối với các hoạt động chính tại khu công nghiệp. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo được quy định tại Điều 36, Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004, Nghị định số 164/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 9 năm 2004. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty có lợi nhuận chịu thuế. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22%.

**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu	84.041.855.174	57.756.884.278
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	84.041.855.174	57.756.884.278
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.099.501	44.637.036
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.712</u></b>	<b><u>1.294</u></b>

**35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	<u>1.894.746.662</u>	<u>2.413.167.888</u>

Tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán, Tập đoàn có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	3.314.876.657	3.165.852.631
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.014.608.295	10.392.157.189
Sau năm năm	63.260.358.958	63.593.483.468
	<b><u>76.589.843.910</u></b>	<b><u>77.151.493.288</u></b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê đất tại Quận Tân Phú – Thành phố Hồ Chí Minh và phí quản lý tại Khu công nghiệp Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh và Khu công nghiệp Trảng Bàng– Tỉnh Tây Ninh. Các điều khoản hợp đồng và phí thuê được quy định cụ thể tại mỗi hợp đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MÃ SỐ B 09-DN/HN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tập đoàn quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tập đoàn tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	911.893.781.932	925.296.369.336
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(81.164.243.626)	(118.096.768.288)
Nợ thuần	830.729.538.306	807.199.601.048
Vốn chủ sở hữu	752.273.681.981	735.859.054.730
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u><b>1,10</b></u>	<u><b>1,10</b></u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.164.243.626	118.096.768.288
Phải thu khách hàng và phải thu khác	173.576.889.916	168.761.813.018
Các khoản đầu tư	2.767.600.000	2.767.600.000
Các khoản ký quỹ	1.901.700.540	1.894.518.782
	<u><b>259.410.434.082</b></u>	<u><b>291.520.700.088</b></u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản nợ thuê tài chính	21.301.469.607	5.713.403.044
Các khoản vay	890.592.312.325	919.582.966.292
Phải trả người bán và phải trả khác	148.278.152.700	139.501.923.209
Chi phí phải trả	11.065.962.448	6.791.105.732
	<u><b>1.071.237.897.080</b></u>	<u><b>1.071.589.398.277</b></u>

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MÃ SỐ B 09-DN/HN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tập đoàn đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá cổ phiếu và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tập đoàn thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm lập báo cáo như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
USD	964.661.145.273	932.977.245.283	210.556.111.081	222.349.568.208
EUR	1.264.420.599	1.264.289.612	7.037.616	7.194.987
JPY	250.845.320	239.292.918	21.249.538	20.415.882
	<b>966.176.411.192</b>	<b>934.480.827.813</b>	<b>210.584.398.235</b>	<b>222.377.179.077</b>

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tập đoàn chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Euro và Yên Nhật.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tập đoàn trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tập đoàn sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
USD	(75.410.503.419)	(79.898.998.814)
EUR	(125.738.298)	(92.456.927)
JPY	(22.959.578)	1.976.800
	<b>(75.559.201.295)</b>	<b>(79.989.478.941)</b>

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tập đoàn từ các nguồn cho vay thích hợp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ giảm/tăng 8.905.923.123 đồng (từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013: 10.206.708.771 đồng).

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tập đoàn đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tập đoàn mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN/HN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30/6/2014	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.164.243.626	-	81.164.243.626
Phải thu khách hàng và phải thu khác	173.576.889.916	-	173.576.889.916
Các khoản đầu tư	-	2.767.600.000	2.767.600.000
Các khoản ký quỹ	516.906.600	1.384.793.940	1.901.700.540
	<b>255.258.040.142</b>	<b>4.152.393.940</b>	<b>259.410.434.082</b>
Các khoản nợ thuê tài chính	9.978.805.997	11.322.663.610	21.301.469.607
Các khoản vay	667.147.278.482	223.445.033.843	890.592.312.325
Phải trả người bán và phải trả khác	148.278.152.700	-	148.278.152.700
Chi phí phải trả	11.065.962.448	-	11.065.962.448
	<b>836.470.199.627</b>	<b>234.767.697.453</b>	<b>1.071.237.897.080</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(581.212.159.485)</b>	<b>(230.615.303.513)</b>	<b>(811.827.462.998)</b>

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	118.096.768.288	-	118.096.768.288
Phải thu khách hàng và phải thu khác	168.761.813.018	-	168.761.813.018
Các khoản đầu tư	-	2.767.600.000	2.767.600.000
Các khoản ký quỹ	516.906.600	1.377.612.182	1.894.518.782
	<b>287.375.487.906</b>	<b>4.145.212.182</b>	<b>291.520.700.088</b>
Các khoản nợ thuê tài chính	4.897.204.416	816.198.628	5.713.403.044
Các khoản vay	656.024.580.649	263.558.385.643	919.582.966.292
Phải trả người bán và phải trả khác	139.501.923.209	-	139.501.923.209
Chi phí phải trả	6.791.105.732	-	6.791.105.732
	<b>807.214.814.006</b>	<b>264.374.584.271</b>	<b>1.071.589.398.277</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(519.839.326.100)</b>	<b>(260.229.372.089)</b>	<b>(780.068.698.189)</b>

Bất chấp các chênh lệch thanh khoản hiện tại, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn dựa trên nguồn tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh và bằng việc duy trì tối thiểu một số các khoản tín dụng sẵn sàng sử dụng. Hạn mức tín dụng còn lại của các khoản vay có thể sử dụng được trình bày tại Thuyết minh số 18 và số 22.

**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

**Bên liên quan**

E-land Asia Holdings Pte Ltd  
 Công ty Cổ phần Thành Chí

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn  
 Công ty liên kết

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** MÃ SỐ B 09-DN/HN  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trong kỳ, Tập đoàn đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
<b>Lãi vay</b>		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	662.932.563	596.670.053
<b>Cổ tức công bố cho</b>		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	21.270.799.000	13.535.963.000
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:		
	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	5.974.634.701	5.282.198.155
Số dư với các bên liên quan:		
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Các khoản phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Thành Chí	2.602.375.000	2.602.375.000
E-land Asia Holdings Pte Ltd	686.282.425	552.676.432
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	23.874.659	-
<b>Vay phải trả</b>		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	149.170.000.000	147.560.000.000
<b>Lãi vay phải trả</b>		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	4.055.522.738	3.392.587.175

**38. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 16 tháng 8 năm 2014.



Phạm Thị Thanh Thủy  
Người lập



Nguyễn Minh Hào  
Kế toán trưởng




Lee Eun Hong  
Tổng Giám đốc  
Ngày 16 tháng 8 năm 2014